

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG XANH

ĐINH VĂN LINH*

Pháp luật về thuế bảo vệ môi trường đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam thông qua điều tiết sản xuất và tiêu dùng. Mặc dù Luật Thuế bảo vệ môi trường hiện hành đã bao quát được các đối tượng gây ô nhiễm nhưng thực tiễn thi hành vẫn bộc lộ một số vướng mắc. Do đó, việc sửa đổi và bổ sung các quy định, đặc biệt là mở rộng đối tượng chịu thuế là cần thiết để hoàn thiện pháp luật, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

Từ khoá: Pháp luật; thuế bảo vệ môi trường; tăng trưởng xanh; phát triển bền vững; Việt Nam. The law on environmental protection tax plays a crucial role in promoting green growth in Vietnam by regulating production and consumption activities. Although the current Law on Environmental Protection Tax covers most pollution-causing entities, its implementation still faces several challenges. Therefore, revising and supplementing relevant provisions - particularly by expanding the scope of taxable objects - is essential to improve the legal framework, thereby contributing to the successful achievement of the nation's sustainable development goals.

Keywords: Law; environmental protection tax; green growth; sustainable development; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 07/7/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/9/2025 NGÀY DUYỆT: 16/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.357.2025.1321>

1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng xanh giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo đảm đời sống của con người. Pháp luật về thuế bảo vệ môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu trong tăng trưởng xanh theo hướng hạn chế các hành vi sản xuất, tiêu dùng các loại hàng hóa gây tác động xấu tới môi trường; mặt khác, cũng khuyến khích việc sản xuất, tiêu dùng một số loại hàng hóa thân thiện hơn với môi trường, như: túi ni lông thân

thiện, xăng E5, E10... Về cơ bản, hành lang pháp lý của Luật Thuế bảo vệ môi trường đã bao quát các đối tượng hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường; thực hiện được nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền; tăng thu cho ngân sách nhà nước; thực hiện các cam kết quốc tế. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành vẫn còn những vướng mắc, tồn tại. Việc định hướng để sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành là cần thiết để pháp luật

* ThS, Học viện Ngân hàng

về thuế bảo vệ môi trường ngày càng hoàn thiện, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

2. Thực trạng pháp luật về thuế bảo vệ môi trường trong bối cảnh tăng trưởng xanh

Thứ nhất, quy định về đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường đã tác động mạnh mẽ tới hành vi sản xuất, tiêu dùng hàng hóa tác động xấu môi trường. Điều 3 *Luật Thuế Bảo vệ môi trường* năm 2010 quy định 8 nhóm đối tượng chịu thuế: “1. Xăng, dầu, mỡ nhờn, bao gồm: a) Xăng, trừ etanol; b) Nhiên liệu bay; c) Dầu diesel; d) Dầu hỏa; đ) Dầu mazut; e) Dầu nhờn; g) Mỡ nhờn; 2. Than đá, bao gồm: a) Than nâu; b) Than an-tra-xít (antraxit); c) Than mỡ; d) Than đá khác; 3. Dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC); 4. Túi ni lông thuộc diện chịu thuế; 5. Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng; 6. Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng; 7. Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng. 8. Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng”. Về cơ bản, các nhóm hàng hóa trên đã bao quát số lượng lớn các loại hàng hóa mà trong quá trình sản xuất, tiêu dùng có tác động xấu đến môi trường. Về quy định các đối tượng chịu thuế như trên là phù hợp nhằm giảm thiểu việc sản xuất, tiêu dùng các hàng hóa gây ô nhiễm môi trường thông qua việc tác động trực tiếp tới hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng.

Thứ hai, quy định của *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 thể hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, phù hợp với mục tiêu thu thuế để giảm tác động xấu đến môi trường, góp phần thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

(1) Quy định về đối tượng nộp thuế bảo vệ môi trường. Theo quy định tại Điều 5 *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010: “người nộp thuế bảo vệ môi trường là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế”. Căn cứ vào quy

định này, chủ thể phải nộp thuế bảo vệ môi trường là người sản xuất, nhập khẩu hàng hóa gây ô nhiễm môi trường. Đây là các chủ thể chủ yếu, thường xuyên gây ra ô nhiễm môi trường thông qua việc sản xuất, nhập khẩu các hàng hóa gây ô nhiễm môi trường.

(2) Quy định về mức thuế suất bảo vệ môi trường. Điều 8 *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hóa chịu thuế bảo đảm các nguyên tắc: mức thuế đối với hàng hóa chịu thuế phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ; mức thuế đối với hàng hóa chịu thuế được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hóa. Các quy định này đã góp phần định hướng hành vi của người sản xuất, tiêu dùng theo hướng xanh hơn, sạch hơn, thân thiện và ít tác động xấu đến môi trường bởi vì khi mức thuế suất càng cao thì cả người sản xuất và người tiêu dùng đều phải tính toán, cân đối trong các quyết định sản xuất hoặc tiêu dùng. Chẳng hạn như: chuyển từ xăng hóa thạch sang xăng sinh học; sản xuất, sử dụng phương tiện ít phát thải.

Thứ ba, quy định của *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Điều 3 *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 quy định 8 nhóm hàng hóa là đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường. Trong đó, có những hàng hóa, như: “xăng, dầu, mỡ nhờn, than đá các loại” được quy định là đối tượng chịu thuế nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam trong quá trình thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM) theo Nghị định Kyoto. Còn quy định dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC) là đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường là nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam theo Nghị định thư Montreal (theo Nghị định thư này thì dung dịch HCFC phải bị loại bỏ hoàn toàn trong năm 2030, vì đây là chất tác động làm thủng

tầng ozon)¹. Việc thực hiện các cam kết quốc tế bằng phương thức nội luật hóa các cam kết quốc tế vào các luật chuyên ngành đã thể hiện nỗ lực chung tay bảo vệ môi trường và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Mặc dù *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 đã góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, định hướng hành vi sản xuất, tiêu dùng theo hướng xanh hơn, sạch hơn và thân thiện với môi trường hơn; thực hiện các cam kết quốc tế, song trong quá trình thực thi, *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 vẫn còn một số vướng mắc, hạn chế:

(1) Về đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường.

Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010 chưa bao quát hết các loại hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường. Có rất nhiều hàng hóa mà trong quá trình sản xuất, tiêu dùng gây tác động xấu đến môi trường, như: các loại pin, ắc quy, phân bón hóa học, hộp nhựa (bằng xốp) để thức ăn sử dụng một lần... chưa được quy định là đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường. Chẳng hạn: “các viên pin thường có các kim loại nặng, như: chì, thủy ngân, kẽm, cadmium, lithium... Lượng thủy ngân có trong một viên pin cũng có thể làm ô nhiễm 500 lít nước hoặc 1 mét khối đất trong 50 năm”²; hộp nhựa bằng xốp sử dụng một lần có giá rất rẻ nên được sử dụng tràn lan trên thị trường, tuy nhiên, khi sử dụng các loại hộp này có thể bị nhiễm “chì, cadmium và thôi nhiễm styrene, ethylbenzene... styrene là một chất gây ung thư, có thể phá hủy DNA trong cơ thể người”³.

(2) Về túi ni lông thân thiện với môi trường. Túi ni lông thân thiện với môi trường được xác định là đối tượng không chịu thuế bảo vệ môi trường và được quy định tại: Điều 8, 12, 13 Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT ngày 04/7/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); khoản 4 Điều 1 Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số

67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật Thuế Bảo vệ môi trường*... Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 3 và Điều 4 *Luật Thuế Bảo vệ môi trường* năm 2010 không quy định về túi ni lông thân thiện với môi trường là đối tượng không chịu thuế. Thay vào đó, túi ni lông thân thiện với môi trường được xác định là đối tượng không chịu thuế bảo vệ môi trường lại quy định ở văn bản dưới luật (khoản 4 Điều 1 Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 và Điều 1 Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 của Bộ Tài chính). Như vậy, để nâng cao hiệu lực pháp lý của quy định về túi ni lông thân thiện với môi trường cần phải quy định rõ túi ni lông thân thiện với môi trường là đối tượng không chịu thuế trong *Luật Thuế bảo vệ môi trường*.

(3) Quy định về mức thuế suất giữa xăng có nguồn gốc hóa thạch và xăng sinh học chưa thực sự tạo ra sự khuyến khích trong việc sử dụng xăng sinh học. Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật Thuế bảo vệ môi trường* thì “Đối với nhiên liệu hỗn hợp chứa nhiên liệu sinh học và xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch, chỉ thu thuế bảo vệ môi trường đối với phần xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch”. Như vậy, theo cách tính hiện tại thì thuế suất đối với xăng sinh học của xăng E5 là bằng khoảng 95%, xăng E10 là khoảng 90% so với xăng có nguồn gốc hóa thạch. Quy định này đã thể hiện định hướng về khuyến khích sản xuất, sử dụng xăng sinh học theo Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống. Tuy nhiên, theo các quy định trên thì mức chênh lệch hiện tại mới chỉ ở 5% - 10% giữa xăng sinh học và xăng có nguồn gốc hóa thạch nên chưa thực

sự tạo ra sự chênh lệch lớn để tạo ra động lực khuyến khích mạnh mẽ trong sản xuất và tiêu dùng xăng sinh học.

Bên cạnh đó, biểu khung thuế suất tại Điều 8 *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 chưa quy định cụ thể mức thuế suất cho xăng sinh học là bằng bao nhiêu, đặc biệt là xăng hỗn hợp cồn sinh học với xăng có nguồn gốc hóa thạch.

3. Một số giải pháp

Một là, cần mở rộng đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường theo hướng quy định thêm một số loại hàng hóa, như: pin, ắc quy, phân bón, hộp nhựa bằng xốp... là đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường. Việc quy định mở rộng đối tượng chịu thuế vào những loại hàng hóa này nhằm hạn chế việc sản xuất, tiêu dùng chúng; đồng thời, khuyến khích đầu tư, sản xuất và tiêu dùng các loại hàng hóa thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, đối với một số loại hàng hóa có tác động lớn tới sản xuất như phân bón thì cần phải có lộ trình quy định để mặt hàng này trở thành đối tượng chịu thuế; hoặc khi quy định là đối tượng chịu thuế thì cần phải có quy định về mức thuế suất hợp lý để tránh tác động làm tăng giá cả đầu vào của quá trình sản xuất nông nghiệp và của một số hàng hóa khác.

Hai là, nâng cao hiệu lực pháp lý của quy định ghi nhận túi ni lông thân thiện với môi trường là đối tượng không chịu thuế. Theo đó, cần sửa đổi khoản 4 Điều 3 *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 theo hướng loại trừ túi ni lông thân thiện với môi trường khỏi đối tượng chịu thuế. Việc sửa đổi quy định này sẽ giúp: (1) Nâng cao hiệu lực pháp lý của quy định hiện hành khi túi ni lông thân thiện với môi trường được ghi nhận chính thức trong *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010; (2) Cơ quan quản lý thuế, người nộp thuế thuận lợi hơn trong việc xác định chính xác đối tượng không chịu thuế; (3) Nâng cao tính minh bạch, rõ ràng các quy định của pháp luật về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế; (4) Khuyến khích

việc sản xuất, sử dụng túi ni lông thân thiện với môi trường, từ đó, từ bỏ dần túi ni lông thông thường có hại cho môi trường.

Ba là, bổ sung quy định về mức thuế suất dành cho các loại xăng sinh học E5, E10 vào Điều 8 *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 để tạo động lực khuyến khích hơn nữa việc sản xuất, tiêu dùng xăng sinh học nhằm giảm phát thải khí gây ô nhiễm môi trường, hướng tới thực hiện các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và phát thải ròng bằng 0.

Ngoài ra, mức thuế suất quy định dành cho xăng sinh học cần phân biệt các loại xăng E5, E10, theo đó, xăng E10 sẽ có mức thuế suất thấp hơn xăng E10. Việc bổ sung quy định như trên sẽ: (1) Phù hợp với các chính sách khuyến khích sản xuất, tiêu dùng xăng sinh học theo Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012; (2) Khuyến khích sản xuất và tiêu dùng xăng sinh học, hướng tới chủ động sử dụng các nhiên liệu được sản xuất trong nước. Đây cũng là giải pháp quan trọng góp phần cho việc sản xuất xanh hơn, sạch hơn, thân thiện hơn với môi trường hướng tới thực hiện các mục tiêu của tăng trưởng xanh; đồng thời, làm giảm sự phụ thuộc vào xăng hóa thạch, tăng sự chủ động sử dụng các nhiên liệu sinh học có thể sản xuất trong nước trong tỷ lệ phối trộn các loại xăng sinh học; (3) Phù hợp với định hướng trong tương lai khi bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng hàng đầu của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam, đặc biệt sẽ có những loại xăng sinh học mới được nghiên cứu, phát triển với chỉ số octan cao hơn, thân thiện hơn với môi trường, ít phát thải khí gây ô nhiễm môi trường.

Chú thích:

1. Bộ Tài chính (2017). *Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường*.
2. *Vứt pin cũ không đúng cách tác hại khôn lường*. <https://laodong.vn>, ngày 08/11/2019.
3. *Lạm dụng hộp xốp, hộp nhựa chứa thực phẩm chín: mối nguy hại đối với sức khỏe*. <https://baodautu.vn>, ngày 14/8/2021.